

CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH - TOEIC HAY KHÔNG TOEIC

NGUYỄN VIỆT KHOA*

Ngày nhận bài: 07/03/2016; ngày sửa chữa: 15/03/2017; ngày duyệt đăng: 15/03/2017.

Abstract: The TOEIC test is created and designed to meet the requirement for a practical proficiency test of English for international communication in the workplace. This paper focuses on analytically evaluating the TOEIC test used as the English outcome standard test at universities in Viet Nam to discuss the test's practicality, reliability & validity. It is concluded that although the TOEIC test is highly practical, it fails to provide clear evidence of its reliability and validity. The paper finally recommends that the TOEIC test must include four subtests to make it a true measure of English language proficiency.

Keywords: TOEIC, proficiency, practicality, reliability, validity.

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT do Bộ GD-ĐT ban hành chính thức có hiệu lực thi hành, nhiều trường đại học đã công bố và áp dụng “chuẩn đầu ra ngoại ngữ” cho sinh viên tốt nghiệp. Kể từ đó, câu chuyện “chuẩn đầu ra TOEIC” trở nên “nóng” hơn bao giờ hết với cả người học, người dạy, người quản lý và người nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ là văn bản do cơ sở giáo dục đại học ban hành quy định về trình độ ngoại ngữ của sinh viên đại học chính quy tại cơ sở giáo dục đó trước khi được cấp bằng tốt nghiệp. Về cơ bản, văn bản này bao gồm yêu cầu về trình độ đầu ra khi tốt nghiệp, công tác tổ chức giảng dạy, công tác tổ chức thi, đánh giá và phân loại trình độ cùng các điều kiện được miễn học, miễn thi. Hiện nay, ngoại ngữ mà đa số các trường đại học lựa chọn là tiếng Anh và quy định về “chuẩn đầu ra ngoại ngữ” thường được ghi rõ là quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh. Các trường cũng lựa chọn bài thi TOEIC làm bài thi đánh giá và phân loại trình độ tiếng Anh của sinh viên.

Bài viết đặt mục tiêu tìm hiểu chất lượng của bài thi TOEIC thông qua ba tiêu chí như cách gọi của Brown (2001) là “kinh điển” trong đánh giá một bài thi, đó là *thực độ, tin độ và hiệu độ*. Qua đó, chỉ ra rằng, với mục đích đánh giá khả năng thông thạo tiếng Anh của người học thì mặc dù bài thi TOEIC có thực độ cao nhưng tin độ chưa rõ ràng và hiệu độ không thể chứng minh được. Cuối cùng, bài viết khuyến nghị đưa bài thi Nói và Viết trở thành phần bắt buộc của bài thi TOEIC khi được lấy làm bài thi chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên - nếu không làm được điều này thì cần thay thế bài thi TOEIC bằng một bài thi khác hiệu quả hơn.

2. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra tiếng Anh

Theo Bachman & Palmer [1; tr 23], mục đích cao

nhất của một bài kiểm tra ngoại ngữ là đưa ra được một giá trị đo đặc năng lực ngôn ngữ của mỗi cá nhân. Các nhà nghiên cứu như Litwin [2], Bryman [3] và Robson [4] đều thống nhất trong khoa học xã hội có một số tiêu chí đánh giá cơ bản, đó là: *Tin độ* (Reliability), *Hiệu độ* (Validity) và *Thực độ* (Practicality).

2.1. Tin độ (hay còn được gọi là *độ tin cậy, độ ổn định*) của một bài kiểm tra được quyết định bởi khả năng kiểm tra chính xác những kiến thức và kỹ năng cần kiểm tra trong bài kiểm tra đó. Độ tin cậy được Bachman & Palmer [1] coi như là một trong những tiêu chí thiết yếu nhất của một bài kiểm tra tốt.

Harrison [5] và Hughes [6] đều nhấn mạnh luận điểm rằng, để có được tính chính xác, bài kiểm tra phải có tính nhất quán trong phương pháp đo đạc, đánh giá. Có thể hiểu, tin độ của bài thi sẽ có được khi kết quả thi của một cá nhân sẽ tương tự nhau cho dù thời điểm và địa điểm thi có khác nhau. Nói cách khác, bài thi sẽ được coi là thiếu tin độ nếu chẳng hạn một người thi đạt kết quả thấp đối với một bài kiểm tra ở lần làm bài đầu tiên, nhưng chỉ vài hôm sau vẫn với bài kiểm tra đó, người này lại đạt kết quả cao.

2.2. Hiệu độ (hay còn được gọi là *độ giá trị, tính giá trị, độ chuẩn xác*) đề cập tới tính chính xác của bài kiểm tra. Theo Hughes [6] và Bachman [7], một bài kiểm tra sẽ được coi là có hiệu độ nếu nó kiểm tra được đúng kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra.

Hiệu độ của bài kiểm tra là đại lượng biểu thị mức độ đạt được mục tiêu đề ra cho phép đo nhờ bài kiểm tra. Có nhiều loại hiệu độ nhưng theo Hughes [6], Bachman và Palmer [1], trong đánh giá năng lực ngôn ngữ, có hai loại hiệu độ chính cần quan tâm, đó là *Hiệu độ cấu trúc* (Construct Validity) và *Hiệu độ nội dung* (Content Validity). Ví dụ: Khi nói “có năng lực

* Viện ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

giao tiếp” là đề cập tới “hiệu độ năng lực”, và một bài kiểm tra được cho là có hiệu độ nội dung khi nội dung của nó đáp ứng yêu cầu của khung năng lực mà nó đặt ra.

2.3. Thực độ (hay còn được gọi là *tính thực tế, tính khả thi*) đề cập tới những điều kiện hay nguồn tài nguyên mà dựa vào đó bài kiểm tra có thể được tiến hành một cách thuận lợi.

Bachman & Palmer [1; tr 36-38] liệt kê ba yếu tố cơ bản là nhân lực, vật lực, điều kiện thời gian tác động chính lên thực độ. Một bài kiểm tra có tính thực tế khi công tác thiết kế, phát triển và ứng dụng nó không đòi hỏi quá số nguồn lực hiện có.

$$\text{Thực độ} = \frac{\text{Nguồn lực có sẵn}}{\text{Nguồn lực yêu cầu}}$$

Tóm lại, để thành công, mỗi bài kiểm tra phải đảm bảo có ba yếu tố: *Tin độ, hiệu độ và thực độ*. Trong khi, tin độ và hiệu độ phản ánh tính chính xác của bài thi thì về mặt đo lường năng lực, thực độ lại đề cập tới khía cạnh kinh tế và nguồn lực xây dựng bài thi.

3. Bài thi TOEIC

3.1. Đôi nét về TOEIC: TOEIC (Test of English for International Communication - Bài thi kiểm tra trình độ tiếng Anh cho giao tiếp quốc tế) là một bài thi đánh giá khả năng thông thạo của người học và người sử dụng tiếng Anh trong một môi trường làm việc quốc tế. Theo IIG Việt Nam [8], bài thi tiếng Anh này hiện nay được sử dụng ở hơn 150 quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam thì có tới 127 trường đại học, cao đẳng lấy làm chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên của mình.

Khởi đầu do chính phủ Nhật Bản đặt hàng và được thiết kế để dùng trong công tác tuyển dụng, sắp xếp công việc và đào tạo lao động, TOEIC là “đứa con tinh thần” của Kitaoka Yasuo - cựu phó Chủ tịch Viện Truyền thông Doanh nghiệp Quốc tế Nhật Bản (IIBC). Yasuo đã làm việc với Educational Testing Service (Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ, ETS) để cho ra đời bài thi TOEIC (TOEIC® Test) năm 1979. Kể từ đó, ETS là đơn vị xây dựng, phát triển và điều phối bài thi TOEIC trên toàn cầu.

Bài thi theo format của năm 1979 có hai phần (Nghe và Đọc), mỗi phần có 100 câu lựa chọn. Nội dung của bài thi dựa trên những nội dung mà người phát triển TOEIC cho rằng, người thi sẽ gặp ở môi trường làm việc - nơi mà tiếng Anh được dùng cho các mục đích thương mại và ngành nghề [8]. Bài thi Nghe/Đọc cải tiến được giới thiệu năm 2005 vẫn là bài thi trên giấy. Cuối năm 2006, phần Nói và Viết của bài thi TOEIC được thêm vào. Những phần này là được thi

trên máy tính và được tổ chức thi riêng, không cùng với phần thi Nghe/Đọc.

Mặc dù bài thi Nói/Viết rất quan trọng để đánh giá đúng trình độ người học nhưng tới nay bài thi Nghe/Đọc vẫn được coi là bài thi TOEIC chuẩn. Bài thi Nghe/Đọc có phổ điểm từ 0-990 điểm.

Tại Việt Nam, TOEIC bắt đầu được tổ chức thi từ năm 2001 thông qua đại diện là IIG Việt Nam. Từ khoảng năm 2008, TOEIC bắt đầu được nhiều trường đại học đưa vào giảng dạy và được lấy làm *chuẩn đầu ra* với ngưỡng 450/990 điểm. Theo IIG Vietnam [8] TOEIC đã và đang được sử dụng làm chuẩn đầu ra tại nhiều trường đại học, cao đẳng, hệ thống trường nghề và là tiêu chuẩn tuyển dụng và đánh giá tại nhiều tập đoàn và tổng công ty lớn. Quả thực với những con số ấn tượng như vậy thì yêu cầu đánh giá chất lượng bài thi TOEIC lại càng trở nên cần thiết.

3.2. Sử dụng: Mục đích của bài thi TOEIC là để đánh giá năng lực giao tiếp. Theo ETS, bài thi TOEIC “đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của người sử dụng trong môi trường lao động quốc tế” và rằng người dùng “có thể giao tiếp tiếng Anh thành thạo trong môi trường công việc toàn cầu”. Điểm số bài thi chỉ ra người dùng “có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh với người khác trong kinh doanh, thương mại và nghề nghiệp” [8; tr 2].

Tuy nhiên, tại Việt Nam, đôi khi người ta đã sử dụng bài thi TOEIC như một bài thi phân loại đầu vào hoặc với mục đích làm chuẩn đầu ra tại đại học. Điều này không đúng với tinh thần của bài thi TOEIC. Bài thi TOEIC với đầy đủ bốn kĩ năng có thể là một bài thi tốt. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khác nhau mà hiện nay bài thi TOEIC hai kĩ năng (Nghe/Đọc) vẫn được áp dụng rộng rãi. Có thể vấn đề nằm ở chỗ, với kĩ năng Nghe và Đọc, TOEIC đã kiểm tra, đánh giá trực tiếp; còn kĩ năng Nói và Viết thì chỉ được gián tiếp đánh giá qua việc kiểm tra hai kĩ năng Nghe và Đọc mà thôi. Nếu vậy, chúng chỉ TOEIC công nhận năng lực tiếng Anh của người sử dụng một cách không hoàn chỉnh. Miyata cho rằng, việc chỉ đánh giá hai kĩ năng và “suy ra” chất lượng của hai kĩ năng còn lại dường như khiến người ta tin rằng “năng lực sản sinh ngôn ngữ của mỗi cá nhân là tương đương với năng lực tiếp nhận ngôn ngữ của người đó” [9; tr 61]. Điều này rõ ràng không thuyết phục được giới nghiên cứu ngôn ngữ.

Rất nhiều nhà nghiên cứu và chuyên gia ngôn ngữ đã thẳng thắn cho rằng, TOEIC không đáng tin cậy để đánh giá năng lực giao tiếp khi mà nó không thể kiểm tra trực tiếp kĩ năng nói của đối tượng đánh giá. Mâu thuẫn cũng nổi lên khi theo ETS, mục đích

của bài thi là để đánh giá khả năng giao tiếp của người thi.

Về mặt từ nguyên mà nói, “giao tiếp” trong tiếng Việt và “communicate” trong tiếng Anh cũng luôn thể hiện tính hai chiều của diễn ngôn. Nếu chỉ có “tiếp” tốt thì không thể suy ra là “giao” cũng tốt. Chính vì TOEIC không đo kĩ năng sáng tạo, sản sinh ngôn ngữ nên đây chính là lí do có rất nhiều câu hỏi đặt ra về hiệu độ của bài thi này.

4. Thực độ, tin độ và hiệu độ của TOEIC

4.1. Thực độ TOEIC: Một trong những điểm mạnh nhất của TOEIC là tính thực tế. Điều này có lẽ không cần phải bàn cãi. Toàn bộ bài test là ở dạng trắc nghiệm, công tác chấm thi được thực hiện tự động trên máy tính và cùng lúc có thể tiến hành tổ chức cho một số lượng lớn người thi. Những điều này cho phép TOEIC có chi phí vận hành thấp hơn và do vậy, chi phí người thi bỏ ra cũng thấp hơn so với các bài thi 4 kĩ năng khác như TOEFL hay IELTS. Chapman & Newfields [10] cho rằng, lợi thế về chi phí, cách chấm điểm của TOEIC thực sự hấp dẫn người thi cũng như các doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc một bài test đánh giá năng lực ngôn ngữ của người thi chỉ thông qua duy nhất hình thức trắc nghiệm không thể mang lại độ xác thực cao cho bài thi [7], [10].

4.2. Tin độ TOEIC: Tính đáng tin cậy (tin độ) là giá trị cốt lõi của bất cứ bài test nào. Nếu không có tin độ thì bài thi TOEIC cũng không có giá trị. Bài thi TOEIC có tin độ nhưng vấn đề chỉ là tin độ này đã đủ đáp ứng yêu cầu hay chưa.

4.2.1. Tin độ hình thức: Bài thi TOEIC được thiết kế để đánh giá trình độ tiếng Anh của người thi trên thang điểm từ 0-990. Bài test là một bài thi trắc nghiệm với hai phần Nghe và Đọc có số lượng câu hỏi bằng nhau. Bài Nghe được chia làm 4 phần với tổng thời gian làm bài 45 phút và bài Đọc được chia làm 3 phần với tổng thời gian là 75 phút. Người thi chọn phương án đúng bằng cách lựa chọn các chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời. Tổng thời gian thi khoảng 120 phút. Cũng như các bài thi khác, tất cả các loại tài liệu và phương tiện điện tử đều không được phép mang vào và sử dụng trong phòng thi. Ngoài việc lựa chọn phương án đúng theo quy định, người thi không được thêm hay viết gì vào phiếu trả lời câu hỏi. Người thi được phép đăng kí thi lại sau lần thi gần nhất 28 ngày.

Như vậy, nhìn bên ngoài bài thi TOEIC được tiêu chuẩn hoá cao và về hình thức rất đáng tin cậy. Ngoài ra, kết quả thi không thay đổi dưới các điều kiện thi cũng như công tác chấm thi khách quan trên máy tính cũng đưa lại cảm giác tin tưởng.

4.2.2. Tin độ dưới ảnh hưởng của tính quen thuộc: Vấn đề có tính thách thức với năng lực tiếng Anh của người thi TOEIC đó là đạt trình độ tiếng Anh cao hơn hay thi để đạt một điểm số TOEIC nào đó. Việc không xác định rõ ràng rằng, nâng cao năng lực tiếng Anh không đồng nghĩa với việc đạt một số điểm TOEIC cao hơn khiến nhiều người thi không học để tích lũy kiến thức ngôn ngữ mà chỉ cố gắng thi thật nhiều lần với mong muốn lần thi sau sẽ có số điểm cao hơn.

Tin độ của TOEIC gặp thách thức nghiêm trọng khi người thi quá quen thuộc với bài thi. Hai cách phổ biến để nâng cao tính quen thuộc với bài thi TOEIC là theo học các khoá luyện thi TOEIC và dự thi nhiều lần. Đã có nhiều ví dụ về việc người thi liên tục đăng kí dự thi với hi vọng đạt đủ 450 điểm. Các khoá luyện thi TOEIC thay vì tập trung vào giúp nâng cao năng lực ngôn ngữ (cụ thể là năng lực giao tiếp tiếng Anh) của người học thì lại chỉ tập trung vào dạy các chiến lược, chiến thuật để đạt điểm TOEIC cao hơn. Thomson [11; tr 18] cho rằng, việc TOEIC cho phép người thi áp dụng các chiến thuật thi cử để nâng cao điểm số mà không cần biết sử dụng ngôn ngữ như thế nào cho thấy tính quen thuộc ảnh hưởng tiêu cực như thế nào tới tin độ của bài thi. Như vậy, điểm số cao hơn không phản ánh năng lực tốt hơn.

4.3. Hiệu độ của TOEIC: Có thể khẳng định, rất khó nhận thấy hiệu độ của bài thi TOEIC với tư cách là một công cụ đánh giá năng lực giao tiếp của người sử dụng. Luôn luôn tồn tại câu hỏi “liệu TOEIC có thực sự đánh giá được những kĩ năng ngôn ngữ mà bài thi này đặt ra?”.

4.3.1. Hiệu độ cấu trúc: Trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá năng lực ngôn ngữ, hiệu độ cấu trúc (construct validity) là khái niệm chính. ETS có thể làm rõ hiệu độ cấu trúc bằng cách đưa ra định nghĩa về năng lực giao tiếp mang tính lí thuyết mà bài test có thể đo đạc. Tuy nhiên, ETS đã không làm điều này và cái mà bài thi TOEIC cho là đánh giá được (tức năng lực giao tiếp) thì thực sự chưa rõ ràng.

TOEIC vẫn là loại bài thi trắc nghiệm với thiết kế mang đậm ảnh hưởng của tư duy ngôn ngữ học cấu trúc những năm 1970. Bằng chứng là bài thi này vẫn chủ yếu đánh giá năng lực ngôn ngữ qua ngữ pháp và từ vựng. Như Choi [12], Miyata [9] và Takahashi [13] đã chỉ ra cho thấy, TOEIC thiếu khả năng đánh giá năng lực giao tiếp, và rõ ràng là có vấn đề với hiệu độ cấu trúc.

Nếu chia sẻ quan điểm của Douglas [14] để có hiệu độ rõ ràng như bài thi này tự nhận, TOEIC cần đánh giá không chỉ ngữ pháp và từ vựng mà còn cả

năng lực giao tiếp, diễn ngôn cũng như các yếu tố ngôn ngữ học xã hội khác. Thay vì đưa ra các bằng chứng về năng lực giao tiếp, ETS lại cố gắng chứng minh hiệu độ cấu trúc của bài thi TOEIC thông qua các bằng chứng về hiệu độ tiêu chí (criterion) và hiệu độ đồng quy (concurrent).

4.3.2 *Hiệu độ nội dung*: Theo Brown & Hudson [15; tr 658], TOEIC là một loại bài test hồi đáp tự động vì nó không đòi hỏi người thi sử dụng bất cứ kỹ năng sáng tạo/sản sinh ngôn ngữ nào. Chapman & Newfield còn chỉ ra vấn đề với việc đánh giá năng lực giao tiếp của TOEIC khi “quá nửa số câu hỏi” trong bài test này tập trung vào nhận thức ở “cấp độ câu” thay vì ở “cấp độ diễn ngôn” [10; tr 2].

Morotoshi cho rằng, hiệu độ nội dung có quan hệ trực tiếp với hiệu độ cấu trúc vì nếu không có khung cấu trúc lý thuyết của các đặc điểm ngôn ngữ cần đo đạc thì không thể đo được tỉ trọng của nội dung và mối quan hệ của nó với khung cấu trúc. Thực ra, ETS không hề đề cập tới việc nội dung bài thi phản ánh tương xứng kết cấu của nó vì không hề có định nghĩa nào về cấu trúc chức năng của bài test [16; tr 9].

Nếu hiệu độ nội dung không rõ ràng thì khó có thể đo đạc được chính xác cái mà bài test muốn đo. Hơn thế nữa, như Buck [17] và Hirai [18] nhận xét, bài test kiểm tra trực tiếp kỹ năng Nghe hiểu nên hiệu độ nội dung của phần nghe luôn nhận được nhiều quan tâm hơn. Còn Booth thẳng thắn nhận xét, bài thi TOEIC “không đánh giá được các khía cạnh cốt yếu của kỹ năng nghe mà giao tiếp trên thực tế yêu cầu”. Các khía cạnh cốt yếu mà Booth liệt kê gồm “hành động tại lời gián tiếp”, “ngụ ý ngữ dụng”, hoặc các khía cạnh khác của thực hành tương tác như “đánh đo, lưỡng lự tự nhiên”, “thỏa thuận ngầm” và “chuyển nghĩa ngữ âm” giữa những người đối thoại [19; tr 29].

Lee, Yoshizawa & Shimabayashi [20] cũng chỉ ra rằng, TOEIC cũng không đánh giá kỹ năng Nghe hiểu tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế một cách cụ thể như cấu trúc bài test đặt ra. Chapman & Newfields [10] còn cho rằng, TOEIC cũng không áp dụng các phương pháp đánh giá kỹ năng nghe hiểu xác thực. Do vậy, thậm chí ngay chính trong lĩnh vực kiểm tra Nghe hiểu và Đọc hiểu, hiệu độ nội dung của bài thi TOEIC cũng không rõ ràng.

4.3.3. *Hiệu độ tiêu chí*: Về mặt tiêu chí, *hiệu độ dự đoán* (predictive) và *hiệu độ đồng quy* (concurrent) sẽ được nghiên cứu. Theo các chuyên gia của ETS, bài thi TOEIC mới không chỉ đơn thuần là một bài thi kiến thức: “Bài thi TOEIC mới đánh giá tính hiệu quả của kiến thức khi sử dụng trong thế giới thật, tức là bài

thi kiểm tra khả năng xử lý ngôn ngữ thật” [21; tr 4]. Nhưng mọi thứ chỉ dừng lại ở đó mà không có giải thích hay chứng minh gì thêm. Dường như không có bằng chứng gì chứng minh tuyên bố mạnh mẽ về hiệu độ dự đoán trên.

Vấn đề nổi lên khi đề cập tới hiệu độ dự đoán, đó là sẽ rất khó đánh giá năng lực tương lai khi phải tham chiếu vào quá nhiều yếu tố. ETS dường như dựa nhiều hơn vào hiệu độ đồng quy để cho rằng, bài thi TOEIC chuẩn là nền tảng để dự đoán chất lượng của kỹ năng Nói và như thế TOEIC có thể đánh giá chính xác năng lực giao tiếp của người thi.

Một sai lầm nữa được nhiều nhà nghiên cứu nhắc tới, đó là quy đổi thành điểm tương đương giữa TOEIC và các loại bài test khác. Lí do là cấu trúc của các loại bài test này quá khác nhau. Bachman [7; tr 259] đã nhắc tới tính không hợp lí này và cho rằng, làm vậy “chỉ làm tăng sự nghi ngờ về hiệu độ của bài test”. Khi xem xét các đối chiếu chéo giữa TOEIC với các loại bài thi khác mà ETS đưa ra, Moritoshi cũng nhận thấy có quá nhiều “khuyết điểm” [16; tr 10]. Ví dụ: cấu trúc của bài TOEFL là đánh giá năng lực tiếng Anh trong môi trường học thuật, trong khi TOEIC lại là đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế. Hơn nữa, TOEIC chỉ đánh giá 2 kỹ năng, trong khi các dạng bài test khác lại đánh giá đầy đủ cả 4 kỹ năng ngôn ngữ. Vậy so sánh là không hợp lí.

Do vậy, xây dựng hiệu độ của bài thi thông qua các đối chiếu đồng quy là hoàn toàn sai lầm. Có vẻ như ETS cũng đã nhận thấy sự bất hợp lí này khi mà các chuyên gia của ETS cũng từng phát biểu rằng, “cho dù các kỹ năng ngôn ngữ có liên hệ với nhau ở một mức độ nào đó thì mỗi một bài test sẽ chỉ đánh giá một khía cạnh năng lực ngôn ngữ riêng biệt nào đó mà bài các test khác không thể đánh giá được” [22; tr 11].

5. Kết luận

Rõ ràng, TOEIC với tư cách là một bài thi đánh giá năng lực giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế tỏ ra không thuyết phục nếu xét trên khía cạnh hiệu độ. Để TOEIC thực sự là một bài thi đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Anh đáng tin cậy, cần giải quyết 2 nhiệm vụ: 1) Phần thi Nói/Viết phải là một phần bắt buộc của bài thi; 2) Các vấn đề của hiệu độ đánh giá lại. Chừng nào các vấn đề này chưa được giải quyết, bài thi TOEIC vẫn sẽ hoạt động không đúng chức năng như một bài thi đánh giá năng lực giao tiếp thực sự. Và như vậy, việc các trường đại học, cao đẳng lấy TOEIC làm chuẩn đầu ra tiếng

Anh cho sinh viên là không hợp lí. Bài thi chuẩn đầu ra tiếng Anh phải là một bài thi đánh giá đủ 4 kĩ năng ngôn ngữ thì mới đánh giá đúng và toàn diện năng lực tiếng Anh của sinh viên. Nếu vì lí do kinh tế hay quản lí mà việc đánh giá cả 4 kĩ năng chưa thể thực hiện trong bài thi TOEIC, người viết khuyến nghị các nhà quản lí giáo dục cần cân nhắc một bài thi hoàn chỉnh khác thay thế cho bài thi TOEIC hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bachman, L. - Palmer, A. (1996). *Language Testing in Practice*. Oxford: Oxford University Press.
- [2] Litwin, M. S. (1995). *How to Measure Survey Reliability and Validity*. California, USA: Sage Publications.
- [3] Bryman, A. (2008) *Social research methods*. New York: Oxford University Press
- [4] Robson, C. (2010) *Real world research*, 3rd ed., New York: John Wiley and Son Ltd
- [5] Harrison, A. (1983) *A language testing handbook*. London: Macmillan.
- [6] Hughes, A. (2003). *Testing for Language Teachers*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [7] Bachman, L. F. (1990). *Fundamental Considerations in Language Testing*. Oxford: Oxford University Press.
- [8] IIG Vietnam. (n.d.) (2016). *ETS TOEIC*. Retrieved 20 August 2016, from IIG Vietnam: <http://www.iigvietnam.com/vi/san-pham-dich-vu/cac-bai-thi-tieng-anh/toeic.html>
- [9] Miyata, R. (2004). *A review of TOEIC: A critical analysis of the structure, methods, and purpose of TOEIC, including its effect on teaching and learning English as a second or foreign language*. Bulletin of Beppu University Junior College, 23, 59-69.
- [10] Chapman, M., & Newfields, T. (2008). *The 'new' TOEIC*. Shiken: JALT Testing & Evaluation SIG Newsletter, 12(2), 32-37.
- [11] Thomson, S. (2012). *The Effects of TOEIC Education in South Korean Universities*. University of Birmingham.
- [12] Choi, I.C. (2008). *The impact of EFL teaching on EFL education in Korea*. Language Testing, 25(1), 39-62. <http://dx.doi.org/10.1177/0265532207083744>.
- [13] Takahashi, J. (2012) *An Overview of the Issues on Incorporating the TOEIC test into the University English Curricula in Japan*. Retrieved August 7, 2016, from <https://tama.repo.nii.ac.jp/index.php?action...id>.
- [14] Douglas, D. (2000). *Assessing Languages for Specific Purposes*. Cambridge, England: Cambridge University Press.
- [15] Brown, J. & Hudson, T. (1998). The alternatives in language assessment. *TESOL Quarterly*, 32(4), 653-675. <http://dx.doi.org/10.2307/3587999>.
- [16] Moritoshi, P. (2001). *The Test of English for International Communication (TOEIC): necessity,*

proficiency levels, test score utilization and accuracy. University of Birmingham, UK: MA assignment.

- [17] Buck, G. (2001). *Assessing Listening*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- [18] Hirai, M. (2002). Correlations between active skill and passive skill test scores. *Shiken: JALT Testing & Evaluation SIG Newsletter*, 6(3), 2-8.
- [19] Booth, D, K. (2012). *Exploring the washback of the TOEIC in South Korea: A sociocultural perspective on student test activity*. Phd. The University of Auckland. Retrieved 20 March 2013 from <https://researchspace.auckland.ac.nz/handle/2292/19379>.
- [20] Lee, S., Yoshizawa K., & Shimabayashi S. (2006). *The content analysis of the TOEIC and its relevancy to language curricula in EFL contexts in Japan*. *JLTA Journal*, 9, 154-173.
- [21] Institute for International Business Communication - IIBC (2006). *TOEIC Newsletter*, No.92, April 2006. Tokyo: IIBC.
- [22] Liao, C., Qu, Y., & Morgan, R. (2010). *The relationships of test scores measured by the TOEIC® listening and reading test and TOEIC® speaking and writing tests*. *Educational Testing Service*. Princeton NJ: Educational Testing Service. Retrieved 20 March 2013 from <http://www.ets.org/Media/Research/pdf/TC-10-13.pdf>.

Cải thiện quá trình tự học...

(Tiếp theo trang 136)

toàn Viện, đặc biệt với KNN; tiến hành nghiên cứu cụ thể hơn về trình độ đầu vào của mỗi học phần, mục tiêu học phần để tìm ra những tài liệu TH, phương pháp phù hợp và soạn những kế hoạch TH cụ thể cho mỗi học phần. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Reeve, J., Nix, G., & Hamm, D. (2003). *The experience of self-determination in intrinsic motivation and the conundrum of choice*. *Journal of Educational Psychology*, 95, 375-392.
- [2] Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2002). *An overview of self-determination theory: An organismic-dialectical perspective*. In E. L., 124-126.
- [3] Reeve, J. (2006). *Teachers as facilitators: What autonomy-supportive teachers do and why their students benefit*. *Elementary School Journal*, 106, 225-236.
- [4] Furrer, C., & Skinner, E. A. (2003). *Sense of relatedness as a factor in children's academic engagement and performance*. *Journal of Educational Psychology*, 95, 148 -162.
- [5] Pitler, H., Hubbell, E., Kuhn, M., & Malenoski, K. (2007). *Using Technology With Classroom Instruction That Works*. Alexandria: Association for Supervision & Curriculum Development. 65-66.